

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 327/2026/DS-ST

Ngày: 15-5-2026

V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Phương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Bành Quốc Trung**

Bà **Nguyễn Thị Thanh Thảo**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông **Võ Minh Tuấn**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 583/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Trần Thị Mỹ P**, sinh năm 1982; CCCD 082182025316

Địa chỉ: khu phố L, xã B, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị **Trần Thị Mộng S**, sinh năm 1981; CCCD 082181011265 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Nguyễn Văn S1**, sinh năm 1976; CMND 311459984; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bổ sung của nguyên đơn chị **Trần Thị Mỹ P** trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, chị P có cho chị **Trần Thị Mộng S** vay tiền nhiều lần (04 lần), cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 10/8/2023 chị P cho chị S vay 56.000.000 đồng, mục đích vay để giải quyết việc gia đình, giúp cho cháu bị tai nạn, không có thỏa thuận trả lãi, thời hạn vay là 02 tháng (từ 10/8/2023 đến 10/10/2023).

Lần 2: Ngày 15/10/2023 chị P cho chị S vay 50.000.000 đồng, mục đích vay để mua vải may đồ, không có thỏa thuận trả lãi, thời hạn vay là 02 tháng (từ 15/10/2023 đến 15/12/2023).

Lần 3: Ngày 18/10/2023 chị P cho chị S vay 42.000.000 đồng, mục đích vay để trị bệnh cho chồng (anh Nguyễn Văn S1), không có thỏa thuận trả lãi, thời hạn vay là 02 tháng (từ 18/10/2023 đến 18/12/2023)

Lần 4: Ngày 10/6/2024 chị P cho chị S vay 170.000.000 đồng, mục đích vay để lo cho chồng bị bệnh đang cấp cứu và đóng tiền học phí cho con để lo học phí tốt nghiệp ra trường, không có thỏa thuận trả lãi, thời hạn vay là 02 tháng (từ 10/6/2024 đến 10/8/2024)

Theo thỏa thuận, chị S có viết “Giấy cho mượn tiền”, ký tên xác nhận. Tuy nhiên, đến hạn trả tiền chị S hẹn lần này đến lần khác, cố ý không muốn trả tiền cho chị và đến nay không trả khoản tiền vốn, lãi nào.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Trần Thị Mộng S và anh Nguyễn Văn S1 liên đới trả số tiền vốn 318.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến ngày xét xử.

* Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ P có thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh Nguyễn Văn S1 liên đới trả nợ cho chị P, chỉ yêu cầu chị Trần Thị Mộng S phải có trách nhiệm trả cho chị P số tiền vốn gốc 318.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền (lần 1: ngày 11/10/2023, lần 2: ngày 16/12/2023, lần 3: ngày 19/12/2023, lần 4: ngày 11/8/2024) đến ngày xét xử sơ thẩm (15/5/2026).

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn không yêu cầu anh Nguyễn Văn S1 phải liên đới trả nợ, chỉ yêu cầu chị Trần Thị Mộng S trả số tiền vốn 318.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền đến ngày xét xử, là có căn cứ. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Xét bị đơn cư ngụ trên địa bàn xã P, tỉnh Đồng Tháp, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp.

[2] Bị đơn chị Trần Thị Mộng S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S1 vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập (tổng đạt) hợp lệ. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị S, anh S1.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ P có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh Nguyễn Văn S1 liên đới cùng với chị S trả nợ cho chị P, chỉ yêu cầu chị Trần Thị Mộng S phải có trách nhiệm trả cho chị P số nợ theo đơn khởi kiện. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi

kiện, do đó căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền vốn của 04 lần vay là 318.000.000 đồng trên cơ sở 04 biên nhận mượn tiền có thể hiện nội dung mượn tiền của từng biên nhận xác định số tiền chị S mượn của chị P (lần 1: ngày 10/8/2023 mượn 56.000.000 đồng, lần 2: ngày 15/10/2023 mượn 50.000.000 đồng, lần 3: ngày 18/10/2023 mượn 42.000.000 đồng, lần 4: ngày 10/6/2024 mượn 170.000.000 đồng).

Xét thấy từ khi nguyên đơn khởi kiện đến khi vụ án được đưa ra xét xử chị Trần Thị Mộng S, anh Nguyễn Văn S1 được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị S, anh S1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập để làm rõ nội dung vụ kiện, không phản đối văn bản, tài liệu của nguyên đơn cung cấp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cũng như không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 91, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định văn bản do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp.

Về yêu cầu tính lãi, kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

Lần 1: số tiền 56.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 31 tháng 04 ngày (từ 11/10/2023 đến 15/5/2026) = 14.470.800 đồng

Lần 2: số tiền 50.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 28 tháng 29 ngày (từ 16/12/2023 đến 15/5/2026) = 12.020.200 đồng

Lần 3: số tiền 42.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 28 tháng 16 ngày (từ 19/12/2023 đến 15/5/2026) = 9.946.720 đồng

Lần 4: số tiền 170.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng 04 ngày (từ 11/8/2024 đến 15/5/2026) = 29.819.000 đồng

Tổng cộng tiền lãi: 66.256.700 đồng.

Từ các phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cần buộc chị Trần Thị Mộng S phải có trách nhiệm trả số tiền vốn 318.000.000 đồng và 66.256.700 đồng tiền lãi cho chị Trần Thị Mỹ P.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với quá trình giải quyết vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. H lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ P.

Buộc bị đơn chị Trần Thị Mộng S phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ P tổng số tiền 384.256.700 đồng (vốn 318.000.000 đồng và 66.256.700 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày chị Trần Thị Mỹ P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Trần Thị Mộng S chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNT-VQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chị Trần Thị Mộng S phải chịu 19.212.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn 8.962.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006878 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn, người liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 2- đồng Tháp;
- Cơ quan THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thanh Phương